

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính Quý IV năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: SZG
- Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, đường 1, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại liên hệ: (0251) 38333 88 Fax: (028) (0251) 38333 99
- Email: szg@sonadezi-giangdien.vn
- Website: <http://www.sonadezi-giangdien.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Quý IV năm 2024
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC:
 - Có Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - Có Không
 - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:
 - Có Không



Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 20/01/2025 tại đường dẫn: <http://www.sonadezi-giangdien.vn/quan-he-co-dong/thong-tin-co-phieu>

Tài liệu đính kèm

- Báo cáo tài chính Quý IV năm 2024 của Công ty CP Sonadezi Giang Điền
- Công văn số: 44/SZG-KT ngày 20/01/2025 về việc giải trình bổ sung tình hình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý IV năm 2024.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hoàng Sỹ Quyết

TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CP SONADEZI GIANG ĐIỀN

Số: 44 /SZG-KT

V/v Giải trình bổ sung tình hình biến
động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ Phần Sonadezi Giang Điền
2. Mã chứng khoán niêm yết: SZG
3. Nội dung: Công ty Cổ Phần Sonadezi Giang Điền giải trình về việc biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 04 năm 2024 thay đổi hơn 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

ĐVT: Đồng

Stt	Nội dung	Quý 04/2024	Quý 04/2023	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Doanh thu và thu nhập khác	120.925.187.904	91.656.184.615	Tăng 31,93%	
2	Tổng chi phí	54.892.228.724	31.409.004.816	Tăng 74,77%	
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	53.547.200.129	48.061.347.222	Tăng 11,41%	

Lý do: Doanh thu và thu nhập khác tăng 31,93%; tổng chi phí tăng 74,77% dẫn đến lợi nhuận sau thuế tăng 11,41%.

Trong đó: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 20,52%, doanh thu hoạt động tài chính tăng 5.509,96% (do Quý 04/2024 có ghi nhận khoản cổ tức từ chứng khoán kinh doanh và lãi tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng tăng), tổng chi phí tăng 74,77% (do chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng) dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN tăng 11,41% so với cùng kỳ năm trước.

Công ty Cổ Phần Sonadezi Giang Điền giải trình đến Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Quý cổ đông được biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên; *thư*
- TK.HĐQT (p/hợp CBTT);
- Lưu: VT, KT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Sỹ Quyết





**TỔNG CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 4/2024**

THÁNG 01/2025



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.774.235.113.712	1.446.875.970.265
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(4.1)	648.255.427.367	41.173.270.652
1. Tiền	111		25.255.427.367	41.173.270.652
2. Các khoản tương đương tiền	112		623.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		349.325.919.999	218.790.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	(4.2)	219.325.919.999	219.325.919.999
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(535.919.999)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		130.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		660.168.203.435	1.070.220.794.061
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(4.3)	47.200.752.650	20.700.509.508
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	(4.4)	599.665.992.013	1.035.937.669.563
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	(4.5)	18.328.731.977	14.895.672.782
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(5.027.273.205)	(1.313.057.792)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
III. Hàng tồn kho	140		115.926.094.552	112.381.292.477
1. Hàng tồn kho	141	(4.6)	115.926.094.552	112.381.292.477
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		559.468.359	4.310.613.075
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(4.11)	559.468.359	399.943.442
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	(4.14)	-	3.910.669.633
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.144.840.293.749	2.242.968.041.145
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	(4.2)	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	(4.3)	-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		231.386.869.472	243.644.945.957
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(4.8)	224.737.766.494	236.808.982.939
Nguyên giá	222		336.717.718.593	335.115.292.886
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(111.979.952.099)	(98.306.309.947)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
Nguyên giá	225			
Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	(4.9)	6.649.102.978	6.835.963.018
Nguyên giá	228		9.259.505.000	9.259.505.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.610.402.022)	(2.423.541.982)
III. Bất động sản đầu tư	230	(4.10)	1.227.657.470.274	1.288.202.883.210
1. Nguyên giá	231		2.021.098.555.062	2.017.779.541.404
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(793.441.084.788)	(729.576.658.194)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	(4.7)	11.353.640.167	28.328.520.894
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		11.353.640.167	28.328.520.894
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		674.442.313.836	682.791.691.084
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(4.11)	674.442.313.836	682.791.691.084
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.919.075.407.461	3.689.844.011.410

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.009.029.057.849	2.900.182.298.646
I. Nợ ngắn hạn	310		210.793.560.698	359.791.392.121
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(4.12)	10.706.856.015	44.936.809.470
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	(4.13)	4.175.430.184	4.522.019.091
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(4.14)	13.134.928.392	8.316.038.770
4. Phải trả người lao động	314		5.845.000.004	2.945.654.223
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		19.336.469.375	41.854.632.473
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	(4.16)	101.992.312.377	77.541.811.669
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	(4.15)	41.178.549.985	28.132.837.040
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(4.17)	-	139.404.064.286
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(4.18)	14.424.014.366	12.137.525.099
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		2.798.235.497.151	2.540.390.906.525
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		16.656.124.012	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	(4.16)	2.699.908.346.466	2.350.152.981.558
7. Phải trả dài hạn khác	337	(4.15)	81.671.026.673	80.737.924.967
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(4.17)	-	109.500.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	(4.19.1)	910.046.349.612	789.661.712.764
I. Vốn chủ sở hữu	410		910.046.349.612	789.661.712.764
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(4.19.2)	548.980.000.000	548.980.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		548.980.000.000	548.980.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		94.763.952.572	57.187.379.178
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		266.302.397.040	183.494.333.586
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		107.737.994.167	183.494.333.586
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		158.564.402.873	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.919.075.407.461	3.689.844.011.410

Đồng Nai, ngày 15 tháng 1 năm 2025

Đào Thị Kim Ngân
Người lập biểu

Nguyễn Duy Hoà
Kế toán trưởng



Hoàng Sỹ Quyết
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 4 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	106.298.862.374	88.200.392.603	439.780.982.222	425.252.010.237
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	106.298.862.374	88.200.392.603	439.780.982.222	425.252.010.237
4. Giá vốn hàng bán	11	37.303.344.566	41.631.873.218	177.333.630.942	167.026.255.256
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	68.995.517.808	46.568.519.385	262.447.351.280	258.225.754.981
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	14.626.325.530	260.720.592	26.069.202.666	7.729.163.619
7. Chi phí tài chính	22	35.244.524	804.296.497	671.800.093	843.997.986
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23	27.136.424	62.941.398	1.175.109.492	278.318.587
8. Chi phí bán hàng	25	759.228.000	689.303.369	20.737.505.348	3.473.395.200
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	16.733.411.634	(11.521.468.268)	35.092.620.563	33.778.103.404
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	66.093.959.180	57.057.108.379	232.014.627.942	227.859.422.010
11. Thu nhập khác	31		3.195.071.420	227.972.948	8.424.119.861
12. Chi phí khác	32	61.000.000	5.000.000	77.706.257	8.184.722
13. Lợi nhuận khác	40	(61.000.000)	3.190.071.420	150.266.691	8.415.935.139
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	66.032.959.180	60.247.179.799	232.164.894.633	236.275.357.149
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	12.485.759.051	12.185.832.577	44.898.391.253	46.543.399.403
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	53.547.200.129	48.061.347.222	187.266.503.380	189.731.957.746



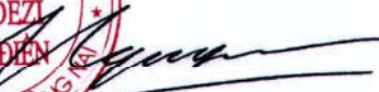
Đào Thị Kim Ngân
Người lập biểu



Nguyễn Duy Hoà
Kế toán trưởng



Đồng Nai, ngày 15 tháng 1 năm 2025


Hoàng Sỹ Quyết
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Quý 4 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Lợi nhuận trước thuế	01		66.032.959.180	60.247.179.799	232.164.894.633	236.275.357.149
2. Điều chỉnh cho các khoản:						
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10, 11	19.659.975.591	19.085.758.838	78.532.502.474	73.656.388.356
- Các khoản dự phòng	03	V.6	2.901.048.594	(5.996.596.208)	3.178.295.414	(4.168.067.168)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(14.626.325.530)	(260.720.592)	(26.069.202.666)	(7.729.163.619)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	27.136.424	62.941.398	1.175.109.492	278.318.587
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		73.994.794.259	73.138.563.235	288.981.599.347	298.312.833.305
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		44.899.801.842	28.632.829.751	(498.886.240.428)	(3.968.884.664)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(248.148.676)	(5.321.742.302)	16.286.773.881	(27.423.855.132)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		23.823.084.140	(29.204.681.614)	329.144.313.647	(60.437.517.160)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.806.448.800	(4.565.067.248)	8.189.852.331	(2.478.403.301)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	V.2	-	-	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.13, 17; VI.4	-	(7.875.000)	(1.385.587.368)	(503.583.548)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(16.846.104.884)	(30.000.000.000)	(43.946.104.884)	(39.500.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(446.965.788)	(229.897.000)	(4.207.577.265)	(2.728.539.741)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		126.982.909.693	32.442.129.822	94.177.029.261	161.272.049.759
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	VII	(7.987.855.132)	(49.899.927.381)	939.493.253.181	(95.626.637.479)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(130.000.000.000)	-	(260.900.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-	130.900.000.000	40.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.3	13.766.867.993	(4.289.909.545)	22.953.898.559	8.747.191.017
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(124.220.987.139)	(54.189.836.926)	832.447.151.740	(46.879.446.462)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20b	-	29.904.064.286	-	29.904.064.286
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20a,b	-	(27.375.000.000)	(248.904.064.286)	(109.500.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22a	(75.240.000)	(32.906.844.000)	(70.637.960.000)	(55.627.440.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(75.240.000)	(30.377.779.714)	(319.542.024.286)	(135.223.375.714)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		2.686.682.554	(52.125.486.818)	607.082.156.715	(20.830.772.417)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	645.568.744.813	93.298.757.470	41.173.270.652	62.004.043.069
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	V.1	648.255.427.367	41.173.270.652	648.255.427.367	41.173.270.652

Đào Thị Kim Ngân

Đào Thị Kim Ngân
 Người lập

Nguyễn Duy Hoà

Nguyễn Duy Hoà
 Kế toán trưởng



Đồng Nai, ngày 15 tháng 1 năm 2025

Hàng Sỹ Quyết
 Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp. Ngày 01 tháng 07 năm 2017, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Cổ phần Sonadezi Giang Điền theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3603474037 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp; thay đổi lần thứ ba ngày 22 tháng 12 năm 2023.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, Công ty chính thức được niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SZG.

Vốn điều lệ theo giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 548.980.000.000 đồng, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	255.000.000.000	46,00%	255.000.000.000	46,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	-	00,00%	180.000.000.000	33,00%
Cổ đông khác	293.980.000.000	54,00%	113.980.000.000	21,00%
Cộng	548.980.000.000	100,00%	548.980.000.000	100,00%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 98 (01/01/2024: 82).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình công ích;
- Phá dỡ;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Tái chế phế liệu;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: Định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, quảng cáo bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản, sàn giao dịch bất động sản;
- Cơ sở lưu trú khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Hoạt động tư vấn quản lý.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12; riêng năm tài chính đầu tiên được bắt đầu kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngày 01 tháng 07 năm 2017 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Bất động sản khu công nghiệp và khu đô thị được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của bất động sản xây dựng để bán bao gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, chi phí làm đường và xây dựng hệ thống thoát nước, chi phí trồng cây xanh và các cơ sở hạ tầng khác, chi phí xây dựng trả cho nhà thầu, chi phí tư vấn thiết kế và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 20 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 07 năm |

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Đà Lạt trong 50 năm. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Thời gian khấu hao ước tính cho phần mềm máy vi tính là 03 năm.

Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Tập đoàn có thể lựa chọn phương pháp ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện:

- + Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- + Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- + Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- + Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 45 năm
- Quyền sử dụng đất 08 - 46 năm

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước, chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư và chi phí trả trước khác. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Tiền thuê đất thể hiện khoản tiền thuê đất Khu công nghiệp Giang Điền đã trả một lần. Tiền thuê đất được Công ty phân bổ theo diện tích đã cho thuê;
- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian hoạt động còn lại của dự án Khu công nghiệp Giang Điền;
- Chi phí trả trước khác chủ yếu là các chi phí phát sinh chung cho toàn bộ khu công nghiệp Giang Điền như chi phí tư vấn, chi phí sửa chữa, đo vẽ, hồ sơ quy hoạch, thuê pano,... được phân bổ dần không quá 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh. Riêng chi phí dò mìn được phân bổ theo thời gian hoạt động của khu công nghiệp là 49 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo như chi phí hạ tầng trích trước cho hoạt động kinh doanh nhà, chuyển quyền sử dụng đất; chi phí đầu tư hạ tầng trích trước cho hoạt động kinh doanh hạ tầng, chuyển quyền sử dụng mặt bằng công nghiệp và các khoản chi phí khác.

Chi phí hạ tầng trích trước cho hoạt động kinh doanh nhà, chuyển quyền sử dụng đất được ghi nhận trên diện tích đất đã chuyển nhượng cho khách hàng căn cứ vào dự toán báo cáo đầu tư do Công ty lập và điều chỉnh theo chi phí thực tế phát sinh.

Chi phí đầu tư hạ tầng trích trước cho hoạt động kinh doanh hạ tầng và chuyển quyền sử dụng mặt bằng công nghiệp của Khu công nghiệp Giang Điền được ghi nhận trên phần diện tích đất cho khách hàng thuê tính theo tỷ lệ doanh thu phí mặt bằng công nghiệp ghi nhận trong năm nhân với suất đầu tư hạ tầng.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê văn phòng, cho thuê đất và phí sử dụng mặt bằng công nghiệp.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Nguồn vốn chủ sở hữu*****Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Doanh thu, thu nhập khác***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu từ tiền cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh mục 3.7.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh khoản chi phí đi vay vốn phát sinh trong kỳ.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, bao gồm chi phí lương nhân viên bán hàng, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

Cho thuê đất, phí hạ tầng, xử lý chất thải đối với các doanh nghiệp chế xuất	0%
Cung cấp nước sạch sản xuất	5%
Hoạt động cho thuê lại đất, cho thuê nhà xưởng, cho thuê văn phòng và các hoạt động khác	10%

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024, thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với một số hàng hóa, dịch vụ là 8% theo Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền mặt	28.097.668	22.143.739
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.227.329.699	41.151.126.913
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền (*)	623.000.000.000	-
Cộng	<u>648.255.427.367</u>	<u>41.173.270.652</u>

(*) Tương đương tiền là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 03 tháng.

4.2 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm/kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu (10%)	219.325.919.999	235.620.000.000	-	219.325.919.999	218.790.000.000	(535.919.999)
Công ty CP Nghĩa Tín TCty	219.325.919.999	235.620.000.000	-	219.325.919.999	218.790.000.000	(535.919.999)

4.3 Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan	63.602.137	90.684.392
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công Nghiệp	47.366.836	44.539.200
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	16.235.301	15.720.568
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	-	30.424.624
Phải thu từ khách hàng khác:	47.137.150.513	20.609.825.116
Công ty TNHH Jinhong Vina	4.234.038.941	1.989.990.797
Công ty TNHH Myung Information Technology Việt Nam	2.819.034.616	1.368.550.324
Công Ty CP Đầu Tư An Thịnh Đồng Nai	1.061.411.574	-
Công ty TNHH Dechang Việt Nam	2.307.329.366	93.213.200
Công ty TNHH EBC GROUP	5.444.621.813	2.022.526.123
Công ty Cổ phần New Life Furniture	16.305.451.346	10.504.454.990
Công ty TNHH Lark Smart Logistics Đồng Nai (Việt Nam)	3.504.817.478	-
Các khách hàng khác	11.460.445.379	4.631.089.682
Cộng	<u>47.200.752.650</u>	<u>20.700.509.508</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Dài hạn:

Phải thu từ khách hàng:

4.4 Trả trước cho người bán

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Trả trước người bán là các bên có liên quan	111.000.000	301.333.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	-	112.333.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	111.000.000	189.000.000
Trả trước cho người bán khác:	599.554.992.013	1.035.636.336.563
Trung tâm Phát triển Quỹ đất TP. Biên Hòa	33.240.844.463	130.609.404.463
Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Trảng Bom	564.191.299.796	903.048.744.926
Trả trước cho các đối tượng khác	2.122.847.754	1.978.187.174
Cộng	<u>599.665.992.013</u>	<u>1.035.937.669.563</u>

Dài hạn:

4.5 Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	373.000.000	-	101.000.000	-
Dự thu lãi tiền gửi	3.115.304.107	-	-	-
Các khoản ký quỹ	14.464.136.002	-	14.464.136.002	-
Phải thu khác	376.291.868	-	330.536.780	-
Cộng	<u>18.328.731.977</u>	<u>-</u>	<u>14.895.672.782</u>	<u>-</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6 Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	192.228.650	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	91.842.654	-	74.883.963	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang	115.427.097.295	-	112.083.648.561	-
<i>Khu dân cư An Bình</i>	16.272.762.573	-	15.843.037.209	-
<i>Khác</i>	99.154.334.722	-	96.240.611.352	-
Hàng hóa	214.925.953	-	222.759.953	-
Cộng	115.926.094.552	-	112.381.292.477	-

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tuyến đường nối Khu Công nghiệp Giang Điền vào Quốc lộ 1A	231.490.012	231.490.012
Khu dân cư - Dịch vụ Giang Điền	6.051.282.565	6.051.282.565
Cấp thoát nước Khu công nghiệp Giang Điền	1.434.154.561	1.434.154.561
Đường Khu Công nghiệp Giang Điền	713.372.101	713.372.101
Cụm NX mới trên lô đất 02A & 14	2.139.635.551	19.114.516.278
Cụm NX cho thuê KCN Giang Điền	362.331.449	362.331.449
NMXLNT số 2 công suất 9.000 m ³ /ngày đêm, GD2	-	-
Chi phí xây dựng dở dang khác	421.373.928	421.373.928
Cộng	11.353.640.167	28.328.520.894

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
 Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2024	274.058.213.768	714.411.016	38.929.266.244	21.354.701.858	58.700.000	335.115.292.886
Mua trong năm	1.036.318.278	808.837.000				1.845.155.278
Đầu tư XD CB hoàn thành						-
Tăng do điều chuyển						-
Giảm do điều chuyển						-
Giảm khác	242.729.571					242.729.571
Thanh lý, nhượng bán						-
Tại ngày 31/12/2024	274.851.802.475	1.523.248.016	38.929.266.244	21.354.701.858	58.700.000	336.717.718.593
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2024	72.024.771.883	182.924.563	16.446.101.554	9.632.749.620	19.762.327	98.306.309.947
Khấu hao trong năm	10.206.116.915	159.389.175	1.186.969.368	2.109.426.698	11.739.996	13.673.642.152
Tăng do điều chuyển						-
Giảm do điều chuyển						-
Thanh lý, nhượng bán						-
Tại ngày 31/12/2024	82.230.888.798	342.313.738	17.633.070.922	11.742.176.318	31.502.323	111.979.952.099
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2024	202.033.441.885	531.486.453	22.483.164.690	11.721.952.238	38.937.673	236.808.982.939
Tại ngày 31/12/2024	192.620.913.677	1.180.934.278	21.296.195.322	9.612.525.540	27.197.677	224.737.766.494

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2024	9.069.505.000	190.000.000	9.259.505.000
Mua trong năm			-
Tăng do điều chuyển			-
Giảm do điều chuyển			-
Tại ngày 31/12/2024	<u>9.069.505.000</u>	<u>190.000.000</u>	<u>9.259.505.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2024	2.233.541.982	190.000.000	2.423.541.982
Khấu hao trong năm	186.860.040		186.860.040
Tăng do điều chuyển			-
Giảm do điều chuyển			-
Tại ngày 31/12/2024	<u>2.420.402.022</u>	<u>190.000.000</u>	<u>2.610.402.022</u>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2024	6.835.963.018	-	6.835.963.018
Tại ngày 31/12/2024	<u>6.649.102.978</u>	<u>-</u>	<u>6.649.102.978</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10 Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2024	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại ngày 31/12/2024
<u>Bất động sản đầu tư cho thuê:</u>				
Nguyên giá:				
Tòa nhà Sonadezi	300.406.562.166			300.406.562.166
Văn phòng KDC An Bình (Lô E)	10.215.965.191			10.215.965.191
Nhà xưởng cho thuê	437.691.230.547	20.978.331.772	20.639.149.644	438.030.412.675
Quyền sử dụng đất	565.292.683.748			565.292.683.748
Cơ sở hạ tầng khu công nghiệp	704.173.099.752	2.979.831.530		707.152.931.282
Cộng	2.017.779.541.404	23.958.163.302	20.639.149.644	2.021.098.555.062
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tòa nhà Sonadezi	131.101.801.403	5.081.955.784		136.183.757.187
Văn phòng KDC An Bình (Lô E)	8.430.149.159	357.163.206		8.787.312.365
Nhà xưởng cho thuê	100.072.159.687	15.994.801.939	807.573.688	115.259.387.938
Quyền sử dụng đất	137.316.956.631	12.362.254.428		149.679.211.059
Cơ sở hạ tầng khu công nghiệp	352.655.591.314	30.875.824.925		383.531.416.239
Cộng	729.576.658.194	64.672.000.282	807.573.688	793.441.084.788
Giá trị còn lại:				
Tòa nhà Sonadezi	169.304.760.763			164.222.804.979
Văn phòng KDC An Bình (Lô E)	1.785.816.032			1.428.652.826
Nhà xưởng cho thuê	337.619.070.860			322.771.024.737
Quyền sử dụng đất	427.975.727.117			415.613.472.689
Cơ sở hạ tầng khu công nghiệp	351.517.508.438			323.621.515.043
Cộng	1.288.202.883.210			1.227.657.470.274

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11 Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ	152.302.253	3.874.997
Các khoản khác	407.166.106	396.068.445
Cộng	<u>559.468.359</u>	<u>399.943.442</u>
Dài hạn:		
Tiền thuê đất trả một lần cho diện tích 1.532.343 m ² tại Khu công nghiệp Giang Điền (*)	138.446.814.133	140.344.751.077
Tiền thuê đất trả một lần cho diện tích 710.455 m ² tại Khu công nghiệp Giang Điền (*)	514.684.559.681	514.684.559.681
Công cụ dụng cụ	786.146.956	1.193.961.081
Chi phí khác	20.524.793.066	26.568.419.245
Cộng	<u>674.442.313.836</u>	<u>682.791.691.084</u>

4.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên có liên quan:	719.188.745	719.188.745	2.760.230.306	2.760.230.306
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	257.546.952	257.546.952	295.116.480	295.116.480
Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi	25.887.600	25.887.600	23.274.000	23.274.000
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Bảo Vệ Sonadezi	435.754.193	435.754.193	584.389.326	584.389.326
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	-	-	1.857.450.500	1.857.450.500
Phải trả cho người bán khác:	9.987.667.270	9.987.667.270	42.176.579.164	42.176.579.164
Tổng công ty Xây Dựng Số 1 - CTCP	-	-	1.804.895.000	1.804.895.000
Công ty TNHH Thịnh Phong	509.720	509.720	1.291.265.037	1.291.265.037
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện lạnh REE	1.754.921.430	1.754.921.430	1.754.921.430	1.754.921.430
Lãi vay phải trả KDC An Bình	2.682.792.643	2.682.792.643	2.570.065.441	2.570.065.441
Công ty TNHH Xuân Quý	1.039.675.000	1.039.675.000	874.941.214	874.941.214

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty CP Kỹ Thuật SEEN	-	-	21.018.494.635	21.018.494.635
Phải trả cho các đối tượng khác	4.509.768.477	4.509.768.477	12.861.996.407	12.861.996.407
Cộng	<u>10.706.856.015</u>	<u>10.706.856.015</u>	<u>44.936.809.470</u>	<u>44.936.809.470</u>

4.13 Người mua trả trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải trả cho các bên có liên quan:	-	346.500.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	-	184.800.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	-	161.700.000
Phải trả cho người bán khác:	4.175.430.184	4.175.519.091
Trả trước từ hoạt động kinh doanh nhà - Khu dân cư An Bình	4.175.077.273	4.175.077.273
Trả trước các đối tượng khác	352.911	441.818
Cộng	<u>4.175.430.184</u>	<u>4.522.019.091</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Tại ngày	Số thuế GTGT	Số thuế GTGT	Số thuế GTGT	Tại ngày
	01/01/2024	được khấu trừ	đã nộp	phát sinh	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	3.910.669.633	2.797.759.285	6.708.428.918	-	-
	Tại ngày 01/01/2024	Trong năm	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	23.576.750.718	27.790.551.570	-	4.213.800.852
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	43.946.104.884	44.898.391.253	-	8.679.862.207
Thuế thu nhập cá nhân	7.727.575.838	2.754.547.023	2.407.349.424	-	241.265.333
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	41.352.935	41.352.935	-	-
Tiền thuế đất	-	224.920.735	224.920.735	-	-
Thuế nhà đất	-	5.488.500	5.488.500	-	-
Cộng	-	70.552.164.795	75.371.054.417	-	13.134.928.392

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀNĐịa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.15 Phải trả khác**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	36.007.053.503	13.028.950.947
Kho bạc nhà nước chuyển phí cơ sở hạ tầng cho đất tái định cư	488.719.000	488.719.000
Cổ tức	-	10.250.160.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.682.777.482	4.365.007.093
Cộng	<u>41.178.549.985</u>	<u>28.132.837.040</u>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	81.671.026.673	80.737.924.967
Cộng	<u>81.671.026.673</u>	<u>80.737.924.967</u>

4.16 Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Khách hàng trả trước tiền thuê đất và thuê hạ tầng Khu công nghiệp Giang Điền	100.114.272.360	77.167.356.734
Khách hàng trả trước tiền thuê nhà xưởng tại KCN Giang Điền	1.758.679.403	-
Khách hàng trả trước tiền thuê tại Cao ốc Sonadezi	119.360.614	374.454.935
Cộng	<u>101.992.312.377</u>	<u>77.541.811.669</u>
Dài hạn:		
Khách hàng trả trước tiền thuê đất và thuê hạ tầng Khu công nghiệp Giang Điền	2.699.904.710.097	2.350.147.527.009
Khách hàng trả trước tiền thuê văn phòng tại cao ốc Sonadezi	3.636.369	5.454.549
Cộng	<u>2.699.908.346.466</u>	<u>2.350.152.981.558</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.17 Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 01/01/2024		Trong năm		Tại ngày 31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
1. Vay ngân hàng VIB dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
2. Vay ngân hàng Vietinbank ngắn hạn	29.904.064.286	29.904.064.286	-	29.904.064.286	-	-
3. Vay ngân hàng Vietcombank dài hạn đến hạn trả	109.500.000.000	109.500.000.000	-	109.500.000.000	-	-
Cộng	139.404.064.286	139.404.064.286	-	139.404.064.286	-	-
Dài hạn:						
1. Vay dài hạn ngân hàng VIB	-	-	-	-	-	-
2. Vay dài hạn ngân hàng Vietinbank	-	-	-	-	-	-
3. Vay dài hạn ngân hàng Vietcombank	109.500.000.000	109.500.000.000	-	109.500.000.000	-	-
Cộng	109.500.000.000	109.500.000.000	-	109.500.000.000	-	-
Tổng cộng	248.904.064.286	248.904.064.286	-	248.904.064.286	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.18	Quý khen thưởng phúc lợi	Số đầu năm	Trích quỹ trong kỳ	Hoàn trích quỹ trong kỳ	Chi quỹ trong kỳ	Hoàn chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
	Quý khen thưởng	3.956.297.796	2.699.427.377	-	(3.133.435.201)	-	3.522.289.972
	Quý phúc lợi	8.181.227.303	3.794.639.155	-	(1.074.142.064)	-	10.901.724.394
	Cộng	12.137.525.099	6.494.066.532	-	(4.207.577.265)	-	14.424.014.366

4.19 **Vốn chủ sở hữu****4.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	548.980.000.000	57.187.379.178	789.661.712.764
Lợi nhuận trong năm nay		183.494.333.586	187.266.503.380
Trích lập các quỹ trong năm		187.266.503.380	(6.494.066.532)
Hoàn nhập Quỹ phúc lợi xã hội công đồng		(44.070.639.926)	-
Chia cổ tức trong năm		(60.387.800.000)	(60.387.800.000)
Tại ngày 31/12/2024	548.980.000.000	94.637.036.839	910.046.349.612

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công Nghiệp	255.000.000.000	255.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	-	180.000.000.000
Các Cổ đông khác	293.980.000.000	113.980.000.000
Cộng	<u>548.980.000.000</u>	<u>548.980.000.000</u>

4.19.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	54.898.000	54.898.000
Số lượng cổ phiếu phổ đã bán ra công chúng	54.898.000	54.898.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	54.898.000	54.898.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.19.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	187.266.503.380
Trích quỹ đầu tư phát triển	(28.089.975.507)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành	(612.125.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2024	-
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>158.564.402.873</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	54.898.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>2.888</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý 04/2024 VND	Quý 04/2023 VND
Doanh thu kinh doanh đất, hạ tầng KCN Giang Điền	43.680.445.249	33.857.335.932
Doanh thu cho thuê văn phòng	11.694.764.678	11.298.289.285
Doanh thu cho thuê nhà xưởng	37.861.531.407	33.453.758.136
Doanh thu bán nhà, cơ sở hạ tầng Khu dân cư An Bình	-	-
Doanh thu kinh doanh nước sạch	7.832.496.200	6.250.569.700
Doanh thu xử lý nước thải	5.229.624.840	3.340.439.550
Cộng	106.298.862.374	88.200.392.603
Doanh thu cho thuê tài sản ghi nhận theo tổng số tiền nhận trước trong năm (*)	-	-
Tổng cộng	<u>106.298.862.374</u>	<u>88.200.392.603</u>

5.2 Giá vốn hàng bán

	Quý 04/2024 VND	Quý 04/2023 VND
Giá vốn kinh doanh đất, hạ tầng KCN Giang Điền	13.037.809.594	18.400.738.711
Giá vốn cho thuê văn phòng	7.203.138.742	7.087.456.225
Giá vốn cho thuê nhà xưởng	6.168.274.427	6.999.674.818
Giá vốn bán nhà, cơ sở hạ tầng Khu dân cư An Bình	7.293.608.576	-
Giá vốn kinh doanh nước sạch	3.600.513.227	5.989.471.664
Giá vốn xử lý nước thải	13.037.809.594	3.154.531.800
Cộng	<u>37.303.344.566</u>	<u>41.631.873.218</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý 04/2024 VND	Quý 04/2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.626.325.530	260.720.592
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	-
Cộng	14.626.325.530	260.720.592

5.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Quý 04/2024 VND	Quý 04/2023 VND
Chi phí lãi vay	27.136.424	62.941.398
Chi phí tài chính khác	8.108.100	5.435.100
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	535.919.999
Cộng	35.244.524	604.296.497

5.5 Chi phí bán hàng

	Quý 04/2024 VND	Quý 04/2023 VND
Chi phí lương nhân viên	665.648.800	252.971.818
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.449.200	434.201.551
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.130.000	2.130.000
Chi phí bằng tiền khác	-	-
Cộng	759.228.000	689.303.369

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 04/2024 VND	Quý 04/2023 VND
Chi phí lương nhân viên	10.174.535.855	(14.363.905.796)
Chi phí đồ dùng văn phòng	381.685.513	527.853.979
Chi phí khấu hao tài sản cố định	244.626.534	269.046.023
Thuế, phí và lệ phí	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.527.991.847	1.676.984.535
Chi phí bằng tiền khác	1.503.523.291	1.611.258.594
Chi phí dự phòng	2.901.048.594	(1.242.705.603)
Cộng	16.733.411.634	(11.521.468.268)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.7 Thu nhập khác**

	Quý 04/2024 VND	Quý 04/2023 VND
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	125.491.680
Thu nhập khác	-	3.069.579.740
Cộng	-	3.195.071.420

5.8 Chi phí khác

	Quý 04/2024 VND	Quý 04/2023 VND
Chi phí khác: bồi thường, bị phạt và CP khác	61.000.000	-
Chi phí khác: thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	5.000.000
Chi phí khác	-	-
Cộng	61.000.000	5.000.000

5.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 04/2024 VND	Quý 04/2023 VND
Chi phí công cụ dụng cụ	2.469.863.864	2.794.318.342
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	-	-
Chi phí nhân công	13.555.586.184	(13.662.852.678)
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.341.333.058	6.338.510.449
Chi phí dự phòng	2.901.048.594	(1.242.705.603)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.699.447.124	22.540.148.074
Chi phí bằng tiền khác	1.503.523.291	6.660.258.594
Thuế, phí và lệ phí	-	-
Cộng	45.470.802.115	23.427.677.178

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Quý 04/2024 VND	Quý 04/2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	66.032.959.180	60.247.179.799
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.345.836.079	681.983.088
Các khoản điều chỉnh giảm	(4.230.524.422)	-
Thu nhập chịu thuế	63.148.270.837	60.929.162.887
Thu nhập được miễn thuế	4.950.000.000	
Thu nhập tính thuế	58.198.270.837	60.929.162.887
<i>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh</i>	58.198.270.837	60.929.162.887
<i>Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng BĐS</i>	-	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<u>11.693.654.167</u>	<u>12.185.832.577</u>
Thuế TNDN nộp bổ sung năm 2023 (theo thông báo của KTNN số 487/TB-KV XIII ngày 31/10/2024 của KTNN KV XIII)	<u>846.104.884</u>	<u>-</u>
Tổng cộng	<u>12.485.759.051</u>	<u>12.185.832.577</u>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế như: chi phí không liên quan tới hoạt động kinh doanh, thù lao của Hội đồng quản trị không chuyên trách,...

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 96/NQ-SZG ngày 21/05/2024, Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền không còn là Công ty con gián tiếp của Tổng Công ty Cổ phần phát triển Khu Công Nghiệp kể từ ngày 21/05/2024 do không đủ điều kiện theo Điều 195 Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020, cụ thể như sau:

Nội dung	Trước ngày 21/05/2024	Từ ngày 21/05/2024
Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty Cổ phần phát triển Khu Công Nghiệp tại Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	46,00%	46,00%
Số thành viên HĐQT là người đại diện phần vốn của Tổng công ty Cổ phần phát triển Khu Công Nghiệp tại Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	3/5	2/5

Danh sách các bên liên quan

- Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp
- Các công ty con, liên kết của Tổng Công ty Cổ phần phát triển Khu công nghiệp
- Công ty Cổ phần cây xanh Nhơn Trạch
- Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Các công ty nội bộ tập đoàn
Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn:		
Tổng Công Ty Cổ Phần Phát Triển Khu Công Nghiệp	47.366.836	44.539.200
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	16.235.301	15.720.568
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	-	30.424.624
Cộng	63.602.137	90.684.392
	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu khác ngắn hạn:		
Cộng	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu của khách hàng dài hạn:	-	-
Cộng	-	-
	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Trả trước người bán ngắn hạn:	-	112.333.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	111.000.000	189.000.000
Công ty CP Dịch vụ Sonadezi		
Cộng	111.000.000	301.333.000
	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Trả trước người bán dài hạn:	-	-
Cộng	-	-
	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải trả người bán ngắn hạn:	257.546.952	295.116.480
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	25.887.600	23.274.000
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	435.754.193	584.389.326
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Bảo Vệ Sonadezi	-	1.857.450.500
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai		
Cộng	719.188.745	2.760.230.306
	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải trả khác ngắn hạn:	-	147.193.200
Công ty CP Sonadezi Bình Thuận	532.728.840	532.728.840
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi		
Cộng	532.728.840	679.922.040

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Người mua trả tiền trước:		
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	-	184.800.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	-	161.700.000
Cộng	<u>-</u>	<u>346.500.000</u>
	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải trả khác dài hạn:		
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	1.074.817.500	1.074.817.500
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	319.145.994	319.145.994
Cộng	<u>1.393.963.494</u>	<u>1.393.963.494</u>

Trong Quý 04/2024, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Quý 04/2024 VND
Cung cấp dịch vụ:	
Tổng Công Ty Cổ Phần Phát Triển Khu Công Nghiệp	1.206.392.046
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	704.413.223
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	388.068.839
Cộng	<u>2.298.874.108</u>
	Quý 04/2024 VND
Mua hàng hóa, dịch vụ:	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	739.091.264
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	73.500.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	-
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Bảo Vệ Sonadezi	1.210.428.315
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	7.072.382.500
Cộng	<u>9.095.402.079</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THU NHẬP CỦA CÁC THÀNH VIÊN QUẢN LÝ CHỦ CHỐT****7.1. Thù lao, tiền thưởng của thành viên Hội đồng quản trị**

Đơn vị tính: VND

Họ và tên	Chức danh	Ghi chú	Quý 04/2024
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Chủ tịch HĐQT		190.622.000
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên HĐQT		152.898.000
Ông Ngô Xuân Quảng	Thành viên HĐQT		150.898.000
Ông Trần Tấn Nhật	Thành viên HĐQT		152.898.000
Ông Trương Đình Hiệp	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm từ ngày 21/05/2024	48.739.000
Ông Hoàng Sỹ Quyết	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm từ ngày 21/05/2024	102.159.000
Cộng			798.214.000

7.2. Thù lao, tiền thưởng Ban kiểm soát

Đơn vị tính: VND

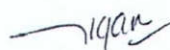
Họ và tên	Chức danh	Ghi chú	Quý 04/2024
Bà Ngô Thị Thu Hiền	Trưởng BKS	Miễn nhiệm từ ngày 21/05/2024	48.739.000
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Trưởng BKS	Bổ nhiệm từ ngày 21/05/2024	104.159.000
Bà Nguyễn Tú Loan	Thành viên BKS		77.449.000
Ông Trần Việt Long	Thành viên BKS		77.449.000
Cộng			307.796.000

7.3. Tiền lương, tiền thưởng của Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác

Đơn vị tính: VND

Họ và tên	Chức danh	Ghi chú	Quý 04/2024
Ông Hoàng Sỹ Quyết	Tổng Giám Đốc		537.500.000
Ông Ngô Xuân Quảng	Phó Tổng Giám Đốc		436.700.000
Bà Nguyễn Bách Thảo	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm từ ngày 01/11/2024	41.000.000
Ông Nguyễn Duy Hoà	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm từ ngày 01/11/2024	125.200.000
Cộng			1.140.400.000

Đồng Nai, ngày 15 tháng 4 năm 2025



Đào Thị Kim Ngân
Người lập



Nguyễn Duy Hoà
Kế toán trưởng



Hoàng Sỹ Quyết
Tổng Giám Đốc